TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **20**/2024/QĐST- DS	*Phước Long, ngày 10 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Phước
2. Bà Vũ Thị Lựu

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:18/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Cát Văn N, sinh năm 1969
Bà Lê Thị Thu S, sinh năm: 1969
Địa chỉ: Khu phố C, phường T, tx P, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của ông N và bà S:
Ông Phí Ngọc M, sinh năm: 1989 (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 20 tháng 02 năm 2024)
Địa chỉ: Khu phố C, phường T, tx P, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu phố B, phường T, tx P, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy bỏ Hợp đồng nguyên tắc thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/10/2023 giữa ông Cát Văn N, bà Lê Thị Thu S với bà Phạm Thị T, đối với các thửa đất:

- Thửa đất số 15, Tờ bản đồ số 46, diện tích 126,2 m^2;
- Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 46, diện tích 87,4 m^2
- Thửa đất số 14, Tờ bản đồ số 46, diện tích 172,7 m^2;

Địa chỉ các thửa đất: Khu phố C, phường T, tx P, tỉnh Bình Phước.

2.2. Ông Cát Văn N và bà Lê Thị Thu S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Tần s tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án ông Cát Văn N, bà Lê Thị Thu S vẫn chưa trả số tiền trên thì ngoài số tiền chậm trả, hàng tháng ông N và bà S còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số chứng thực: 02, quyển số 01TP/CT – SCT/HĐGD, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 16/10/2023, giữa ông Cát Văn N, bà Lê Thị Thu S với bà Phạm Thị T, đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 46, diện tích 126,2 m^2 (Theo sơ đồ đo đạc chính quy hiện nay là thửa 30, tờ bản đồ 30, diện tích 146,2 m^2), đất tọa lạc tại Khu phố C, phường T, tx P, tỉnh Bình Phước.

2.4. Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số chứng thực: 04, quyển số 01TP/CT – SCT/HĐGD, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 16/10/2023, giữa ông Cát Văn N, bà Lê Thị Thu S với bà Phạm Thị T, đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 46, diện tích 87,4 m^2 (Theo sơ đồ đo đạc chính quy hiện nay là thửa 14, tờ bản đồ 30, diện tích 85,6 m^2), đất tọa lạc tại Khu phố C, phường T, tx P, tỉnh Bình Phước.

2.5. Ông Cát Văn N, bà Lê Thị Thu S có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai và thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Cát Văn N, bà Lê Thị Thu S đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 46, diện tích 87,4 m^2 (Theo sơ đồ đo đạc chính quy hiện nay là thửa 14, tờ bản đồ 30, diện tích 85,6 m^2), địa chỉ: khu phố C, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước và thửa đất số 15, tờ bản đồ số 46, diện tích 126,2 m^2 (Theo sơ đồ đo đạc chính quy hiện nay là thửa 30, tờ bản đồ 30, diện tích 146,2 m^2), địa chỉ: khu phố C, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

2.6. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Cát Văn N và bà Lê Thị Thu S chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông N và bà S đã nộp tại Tòa án ngày 05 tháng 3 năm 2024.

2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là: 25.300.000đ (Hai mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng). Bà Phạm Thị T phải chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Cát Văn N và bà Lê Thị Thu S phải chịu 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi trừ số tiền tạm ứng án phí đã ông N và bà S nộp tạm ứng là 300.000đ theo biên lai thu số 0003028 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long. Ông N bà S còn phải nộp 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh